

Đại Nhật Như Lai của Mật Giáo.

Phật Giáo Việt Nam, Mũ này các vị Gia Trì Sư thường đội trong Tang lễ hoặc Trai Đàn Chân Tế.



5/ MŨ HIỆP CHUÔNG:



Mũ này giống như hai bàn tay úp lại nên gọi là Hiệp Chuông, chỉ riêng Phật Giáo Việt Nam mới có, do các vua triều Nguyễn chế ra để tặng cho các vị Tăng cang đội

khi vào triều. Sau được dùng phổ cập, các vị Chủ Sám thường đội trong các pháp hội trai đàn.



6/ MŨ QUAN ÂM:



Mũ này may theo hình chóp, phủ xuống vai, ngang qua giữa lưng, thường các Ngài Chứng Minh đội trong các lễ đàn .

III/ Pháp Phục

1. Y: Tào dịch là Ca sa, tức hoại sắc, bất chính sắc. Dùng để chur Tăng mặc. Những vị chính thức được có Y kể từ khi đã thọ giới luật. Sau khi đắc giới, giới sư quyền thừa Phật Tổ để truyền Y cho giới tử. Y cũng có nhiều bậc khác nhau.



Người thọ mười giới tức là Sa di thập giới: Vị này bắt đầu chính thức được ở trong hàng ngũ xuất gia. Những vị thọ mười giới thì chỉ được mặc (mang) chiếc Mạng Y là những chiếc y không có mạng (miếng) nhỏ, tức là Y không có Điều. Khi mặc Mạng y có bài kệ và chú như sau:

Đại tai giải thoát phục
Vô tướng phước điền y,
Phi phụng chur giới hạnh,
Quảng độ chur quần sanh.

Nghĩa là:

Lớn thay áo giải thoát,
Là ruộng phước không tướng,
Mặc kính đúng giới hạnh,
Rộng độ hết chúng sanh.
Nam Mô Ca Sa Tràng Bồ Tát Ma Ha Tát (3lần)

Vị thọ Cụ túc giới cũng gọi là Tỳ kheo giới hay Đại giới, được mặc những chiếc Y có những miếng vuông, thường gọi là Điều y. Y này có ba loại khác nhau như sau:

- Áo mặc ở ngoài gọi là Tăng già lê,
- Áo mặc ở giữa gọi là Uất đà la tăng,

- Áo mặc trong, áo lót gọi là An đà hội.

Chiếc áo Tăng già lê cũng có các bậc khác nhau như:

Ngũ điều y, Thất điều y và Đại y

a. Chiếc y có năm miếng thì gọi là Ngũ điều. Khi mặc chiếc y này thì đọc bài kệ chú và phát nguyện như sau:

Thiện tai giải thoát phục,
Vô thượng phước điền y,
Ngã kim đánh đỏi thọ,
Thế thế bất xả ly.
Án, tất đà da tóa ha (3 lần).

Nghĩa là:

Lành thay áo giải thoát,
Áo ruộng phước vô thượng,
Nay con đầu đội nhận,
Đời đời không lìa bỏ.
Án, tất đà da tóa ha (3 lần)

b. Chiếc y có bảy miếng thì gọi là Thất điều. Khi mặc chiếc y này cũng đọc kệ chú và phát nguyện:

Thiện tai giải thoát phục,
Vô thượng phước điền y,
Ngã kim đánh đỏi thọ,
Thế thế thường đắc phi.
Án, độ ba độ ba tóa ha (3 lần)

Nghĩa là:

Lành thay áo giải thoát,
Áo ruộng phước vô thượng,
Nay con đầu đội nhận,
Đời đời thường được mặc.
Án, độ ba độ ba tóa ha (3 lần)

- Chiếc y từ 9 miếng trở lên 25 miếng thì gọi là Đại y. Đại y cũng có ba bậc:

- Chiếc Y có 9 miếng, 11 miếng, 13 miếng thì gọi là Hạ Đại Y,

- Chiếc Y có 15 miếng, 17 miếng, 19 miếng thì gọi là Trung Đại Y,

- Chiếc Y có 21 miếng, 23 miếng, 25 miếng thì gọi là Thượng Đại Y.



Khi mặc (trong thiền môn thì gọi là đắp) ba bậc Đại y trên đây cũng đọc kệ, chú và phát nguyện như nhau, dưới đây:

Thiện tai giải thoát phục,
Vô thượng phước điền y,
Phụng trì Như Lai mạng,
Quảng độ chư chúng sanh.
Án, ma ha bà ba tra tất đế tóa ha (3 lần)

Nghĩa là:

Lành thay áo giải thoát,
Áo ruộng phước vô thượng,
Vâng giữ Như Lai mạng,
Rộng độ hết quần sanh.
Án, ma ha bà ba tra tất đế tóa ha (3 lần)

Những chiếc y này đã có từ đời đức Phật. Chiếc y đầu tiên được cúng dường cho chư Tăng là chiếc y của bà Di mẫu của đức Phật (tức là bà Tỳ kheo ni đầu tiên tên Kiều Đàm Di).

Y của chư Tăng được gọi rất nhiều tên: Hoại nạp phục, Hoại sắc phục, Pháp phục, Pháp y, Ứng pháp diệu phục, Liên hoa phục, Giải thoát phục, Giải thoát tràng tướng phục, Xuất thế phục, Ly trần phục, Vô cấu phục, ... Nói chung là Ca sa tràng Như Lai, nghĩa là áo của chư Phật, chính là lòng nhu hòa nhẫn nhục như trong kinh Pháp hoa đã dạy.

2. Bát:



Xuất xứ: Trong kinh Phật bốn hạnh có nói: Khi đức Phật còn tại thế, có hai thương gia là Đế ly phú bà và Bạt ly ca đều ở phía bắc Ấn độ; hai vị này, một hôm đem sữa cúng dường đức Phật, nhưng đức Phật không có đồ đựng. Lúc bấy giờ có bốn vị thiên vương đem bốn cái bát bằng vàng đến dâng cúng đức Phật để đựng sữa, ngài không nhận. Bốn vị thiên vương ấy lại trở về đem bốn cái bát khác bằng những thứ quý: ngọc,

ngà, xa cừ, ... để dâng cúng đức Phật, ngài cũng không nhận. Sau cùng bốn vị ấy đem dâng cúng bốn cái bát khác bằng đá, đức Phật rất hoan hỷ.

Ý nghĩa: Chũ Bát, tiếng phạn gọi là Bát đa la, Tàu dịch là Ứng lượng khí. Nghĩa là đồ dùng để chứa đựng các thực phẩm chỉ đủ vừa sức ăn cho một người.

Bình bát chỉ được làm bằng đá, bằng sành, bằng đất sét nung thật chín rồi tráng men bên trong cho khỏi rỉ nước, chứ không được làm bằng vàng bạc hay tất cả những kim khí quý, ... Nếu dùng bằng kim khí quý thì không đúng phẩm hạnh của bậc xuất gia. Các vị đã phát tâm xuất gia tức là tập hạnh xả bỏ tất cả, kể cả thân mạng nếu cần và đúng với chánh pháp, nghĩa là xả phú cầu bần, xả thân cầu đạo.

Đặc biệt bình bát không nên làm bằng gỗ, vì đây là loại bát của Bà la môn đã thường dùng.



Ở các nước theo Nguyên Thủy (Nam Truyền) Phật giáo, chư Tăng thường đi khát thực nên thường dùng bình bát. Các nước theo Đại thừa Phật giáo (Bắc truyền) thì không đi khát thực nên chỉ dùng bình bát trong ba tháng an cư kiết hạ, có nơi còn ba tháng kiết đông nữa; đồng thời, thỉnh thoảng có quý thí chủ phát tâm cúng dường trai tăng thì cũng dùng bình bát để cúng Phật trước khi thọ trai. (Việt nam có thêm hệ phái Khất sĩ cũng có đi trì bình khát thực).

Sau khi các vị đã đắc giới, chư giới sư trao truyền bình bát và bắt đầu trì bình từ đó. Mỗi khi dùng bình bát, tâm thường niệm:

Thiện tai Bát đa la,
Nhu lai ứng lượng khí,
Phụng trì dĩ tư thân,
Trưởng dưỡng trí huệ mạng.
Án, chỉ rị chỉ rị phạ nhựt ra hồng phần tra (3 lần)

Nghĩa là:

Lành thay bát đa la,
Ứng lượng khí của Phật,
Vâng giữ để tu thân,
Nuôi lớn thân và trí,
Án, chỉ rị chỉ rị phạ nhựt ra hồng phần tra (3 lần)

Mỗi lần đi khát thực, tay nâng bình bát đang còn trống không, đức Phật dạy đệ tử của ngài không phiền muộn, không lo lắng mà phải an tịnh và thàm nguyện:

Nhược kiến không bát,
Đương nguyện chúng sanh,
Cứu cánh thanh tịnh,
Không vô phiền não.

Nghĩa là:

Nếu thấy bát không,
Xin nguyện chúng sanh,
Rốt ráo thanh tịnh,
Trống không phiền não.

Và, sau đó thí chủ đã cúng dường phẩm vật đầy đủ, thàm nguyện tiếp như sau:

Nhược kiến mãn bát,

Đương nguyện chúng sanh,
Cụ túc thanh mãn,
Nhất thể thiện pháp.

Nghĩa là:

Nếu thấy bát đầy,
Xin nguyện chúng sanh,
Chứa đựng đầy đủ,
Tất cả pháp lành.

Mỗi lần dùng bình bát trước và sau khi khất thực hay trước và sau khi thọ trai do tín chủ cúng dường đều phải lau chùi sạch sẽ. Thứ nhất là bát phải sạch sẽ để chứa đựng phẩm vật dâng cúng Tam bảo, kể đến la mình dùng; thứ hai là sau khi dùng xong cũng phải rửa sạch, lau khô để cất giữ cho hợp vệ sinh, cũng thâm niệm bài kệ tẩy bát như sau:

Tẩy bát:

Dĩ thử tẩy bát thủy,
Như thiên cam lộ vị,
Thí dữ chư quý thân,
Tất giai hoạch bảo mãn
Án, ma hưu ra tất tóa ha (3 lần)

Nghĩa là:

Rửa bát:

Lấy nước rửa bát này,
Như nước vị nước cam lồ
Đem cho các quý thân,
Được no đủ tất cả.
Án, ma hưu ra tất tóa ha (3 lần)

Cũng như trên, mỗi khi rửa bình bát hoặc là nhận phẩm vật thì cũng phải mở ra; mỗi lần mở ra như vậy, cũng thâm đọc câu kệ chú như sau:

Triển bát:

Như lai ứng lượng khí,
Ngã kim đắc phu triển,
Nguyện cộng nhất thể chúng,
Đẳng tam luân không tịch
Án, tư ma ma ni tóa ha (3 lần)

Nghĩa là:

Mở bát:

Ứng lượng khí của Phật,
Con nay được giải mở,
Nguyện cùng với mọi người,
Ba vàng đều vắng lặng.
Án, tư ma ma ni tóa ha (3 lần)

3. Đẩy lọc nước:

Xuất xứ: Ngày khi đức Phật chứng thành đạo quả, ngài dùng huệ nhãn, xem thấy trong nước có vô số vi trùng (cũng là chúng sanh), ngài liền truyền dạy cho hàng đệ tử, nhất là hàng xuất gia đều phải có một cái túi bằng vải để lọc nước trước khi uống.



Định nghĩa: Đạo Phật là đạo từ bi. Đạo Phật tôn trọng mạng sống. Vì khi uống nước mà không dùng đẩy lọc nước để lọc thì mắc phải tội ăn thịt chúng sanh. Chúng sanh được tôn trọng, trên từ bậc thánh như chư Tăng, loài người, dưới đến các loài có chân, không chân hay có cánh, không cánh được giữ gìn, bảo vệ mà không nên sát hại.

Bởi thế cho nên, hàng xuất gia phải dùng những vật thực không liên hệ đến mạng sống của chúng sanh. Một khi đã phát tâm xuất gia, đã được thọ giới thì cần phải có đẩy lọc nước. Tàu dịch là Lự thủy nang. Khi nhận thọ thì thâm nguyện:

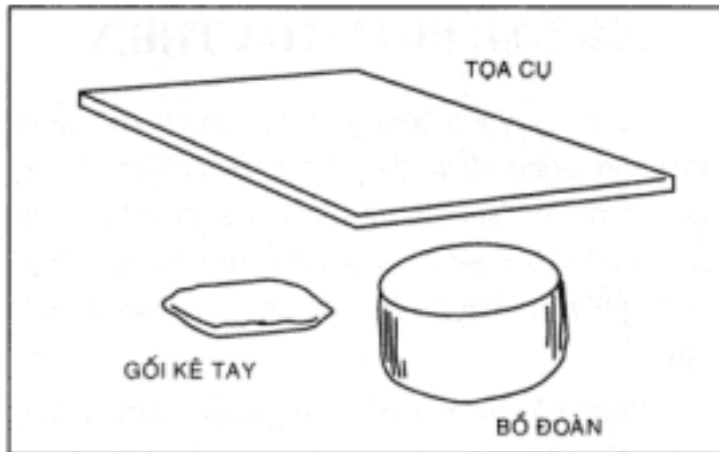
Thiện tai lự thủy nan,
Hộ sanh hành tỵ cụ,
Xuất nhập thường đới dụng,
Phương hợp Bồ tát đạo.
Án, phạ tất ba ra ma ni tóa ha (3 lần)

Nghĩa là:

Lành thay đây lọc nước,
Vật bảo trợ mạng sống,
Ra vào thường dùng đến,
Mới hợp đạo Bồ đề.
Án, phạ tất ba ra ma ni tóa ha (3 lần)

4. Ngọa Cụ:

Ngọa tức là nằm. Dụng cụ dùng để ngồi nằm. Quý vị xuất gia thường dùng hằng ngày cho nên trong luật Trường hàng gọi là Nhật dụng.



Ngày xưa khi đức Phật còn tại thế, chư Tăng sống không lập chùa, viện, tịnh thất như ngày nay. Trong tay chỉ có bình bát, ba chiếc y, một tích trượng, một dây lọc nước và một ngọa cụ mà thôi. Đi đâu mang tất cả những pháp phục

ấy theo bên mình.

Ngày nay chư Tăng có chùa, có tông lâm, có Phật học viện, có tu viện, tịnh thất, ... nên ít dùng đến ngọa cụ và tích trượng trừ khi tấn đàn truyền giới và trao giới cho giới tử phát tâm đăng đàn cầu giới pháp để tu. Ngọa cụ cũng được dùng trong lúc đăng đàn chẩn tế, nhưng được gọi là tọa cụ chứ không gọi ngọa cụ như trong luật tiểu. Khi dùng ngọa cụ thì thầm nguyện câu kệ và chú như sau:

Ngọa cụ ni sư đàn,
Trưởng dưỡng tâm miêu tánh,
Triển khai đăng thánh địa,
Phụng trì Như Lai mạng.
Án, a mật lật đế hồng phần tra (3 lần)

Nghĩa là:

Ngọa cụ (tên) ni sư đàn,
Nuôi lớn lúa tâm tánh,
Mở ra lên đất thánh,
Phụng giữ mạng Như Lai,
Án, a mật lật đế hồng phần tra (3 lần)

Trên đây là những pháp khí và pháp cụ có từ thời đức Phật đã được tổ tổ thừa truyền cho đến ngày nay. Những gì được viết ra trong bài này hoàn toàn gần như chỉ dành riêng cho hàng xuất gia, nhưng phải cần cầu giới pháp, có thọ giới và đã đắc giới. Và tùy theo giới mà thọ dụng khác nhau như: Y, Bát, Tích trượng và Ngọa cụ, Ngoài ra, những pháp khí khác thì những vị tân xuất gia và Phật tử tại gia đều có thể dùng được như nhau. Vậy bài này quý vị nào trong hàng tại gia được phước báo thọ dụng thì cũng nên tuân theo lời Phật dạy để hành trì đúng như pháp; nếu không thông thuộc, nên y chỉ chư Tăng.



Thích Chúc Xuân khảo soạn